

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN K

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Cao Anh Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Chinh và ông Nguyễn Văn Mười.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 380/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Z, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Lê Trung H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Ông Lê Xuân Q; địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và ông Lê Trung H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 12 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng gần đây tôi phát hiện anh H có quan hệ ngoài luồng và đã có con riêng nên xảy ra bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vì vậy đồng sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, hiện nay chúng tôi đã sống ly thân được 03 năm, không còn sống chung với nhau nữa. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân

không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Trung H.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Thanh H1, sinh ngày 28/11/2014 và cháu Lê Khánh A, sinh ngày 09/12/2020. Hiện nay hai con chung đang ở với tôi và tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu ông Hiếu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người làm chứng ông Lê Xuân Q (bố đẻ của ông Lê Trung H) trình bày có nội dung:* Anh Lê Trung H và chị Nguyễn Thị Thùy T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 25/12/2013, sau khi kết hôn thì anh H, chị T có sống chung với gia đình tôi một thời gian, khoảng giữa năm 2023 thì vợ chồng anh H, chị T xảy ra mâu thuẫn, cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì tôi không được biết nhưng sau khi mâu thuẫn xảy ra anh H, chị T đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, chị T đang sinh sống và làm việc tại ấp Z, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai còn anh H đang sinh sống và làm việc tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, địa chỉ cụ thể thì tôi không biết.

Ông Lê Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Lê Trung H. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Thanh H, sinh ngày 28/11/2014 và cháu Lê Khánh A, sinh ngày 09/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 07/11/2023 bà Nguyễn Thị Thùy T nộp đơn khởi kiện, ngày 20/11/2023 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của bà T là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Lê Trung H không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngày 28/3/2024 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 15/4/2024 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Lê Trung H có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 25 tháng 12 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không quan tâm, chăm lo đến nhau, anh H có dấu hiệu không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn càng trở nên căng thẳng, bà T, ông H đã sống ly thân được 03 năm. Qua quá trình làm việc với ông Lê Xuân Q là bố đẻ của ông Lê Trung H cũng xác định vợ chồng ông H, bà T có mâu thuẫn, cụ thể như thế nào thì ông Q không biết nhưng hiện nay vợ chồng đang sống ly thân với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Lê Trung H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Thùy T ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị Thùy T có 02 con chung là cháu Lê Thanh H1, sinh ngày 28/11/2014 và cháu Lê Khánh A, sinh ngày 09/12/2020. Hiện nay 02 con chung đang ở với mẹ và các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ do đó Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Thùy T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về chấp dưỡng tiền nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Thùy T được quyền ly hôn với ông Lê Trung H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Thanh H1, sinh ngày 28/11/2014 và cháu Lê Khánh A, sinh ngày 09/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chấp dưỡng tiền nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Lê Trung H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0002368 ngày 20/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. K;
- UBND xã S, H. C;
- Chi cục THA dân sự H. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn